

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHƯỚC LONG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 24/2023/DS-ST

Ngày: 30- 9 - 2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Khoa Nam

2. Ông Lê Thành Dân

**- Thư ký Tòa án phiên tòa:** Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Văn Bạo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST – DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐ-HPT ngày 15 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ông Mai Văn T, sinh năm 1988( Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

\* Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1990( Vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố E, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đơn trình bày:*

Vào tháng 03 năm 2020, ông T có hợp tác, góp vốn với ông Trần Văn D để nhận thầu thi công 02 công trình tại trường Trung học cơ sở và Tiểu học B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết thúc công việc thì hai bên đã nhiều lần đối chiếu công nợ nhưng ông D vẫn chưa thanh quyết toán hết cho ông T. Đến ngày 26/09/2021, ông D đã xác nhận nợ bằng văn bản cho ông T với số tiền còn nợ lại ông T là 539.000.000đồng. Thời hạn trả là vào ngày 01/10/2021. Lãi suất hai bên thỏa thuận chậm trả là 5%/tháng. Đến hạn ông D không thanh toán nên ông T nhiều lần đòi mà vẫn không trả. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số nợ còn lại là 539.000.000đồng( Năm trăm ba mươi chín triệu đồng) và số tiền lãi suất theo quy định 20%/năm.

Trong quá trình Tòa án giải quyết bị đơn ông **Trần Văn D** đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án đã niêm yết họp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông **D** vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

\*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm nào.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án thụ lý vụ án và xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì đối chiếu tài liệu nguyên đơn cung cấp thì sau khi góp vốn làm ăn chung, hai bên có lập văn bản xác nhận số tiền còn lại mà ông **D** thiếu ông **T** sẽ chuyển thành tiền vay và có tính lãi. Do vậy đây là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại **khu phố E, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước** nên căn cứ khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long.

[2] Bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông **D** được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên coi như từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án theo khoản 2 Điều 92, Điều 93, Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào bản cam kết ngày 26/09/2021 thể hiện phía bị đơn ông **D** có đồng ý chuyển số tiền chênh lệch từ việc làm ăn chung thành tiền vay của ông **T** số tiền 539.000.000 đồng và hẹn đến ngày 01/01/202 thì sẽ trả đủ. Nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa trả.

Xét giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là Hợp đồng vay có kỳ hạn. Do ông **D** vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên theo quy định Điều 466 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc còn lại là 539.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi 20%/năm là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể như sau:

**$539.000.000 \times 20\%/năm \times 35 \text{ tháng} (28 \text{ ngày}) = 322.801.099 \text{ đồng.}$**



[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung của vụ án là có cơ sở nên cần được ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông **Trần Văn D** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ông **Mai Văn T1** không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 217; khoản 2 Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông **Trần Văn D** phải có nghĩa vụ trả cho ông **Mai Văn T** số tiền 861.801.099 đồng (**T2** trăm sáu mươi một triệu tám trăm lẻ một nghìn không trăm chín mươi chín đồng).

Trong đó: 539.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi chín triệu đồng) tiền gốc và **322.801.099 đồng (Ba trăm hai mươi hai triệu tám trăm lẻ một nghìn không trăm chín mươi chín đồng) lãi.**

*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Trần Văn D** phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch **37.854.033 đồng (ba mươi bảy triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn không trăm ba mươi ba đồng).**

Hoàn trả lại cho ông **Mai Văn T** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 15.820.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) mà ông **T** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008487 ngày 18/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN THỊ MINH NGHĨA**